# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

| | |
|---|---|
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 02/2018/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Tổng cục Quản lý đất đai là tổ chức trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về đất đai trong phạm vi cả nước; quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Quản lý đất đai có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng; trụ sở tại thành phố Hà Nội.

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; cơ chế, chính sách và các văn bản khác thuộc lĩnh vực đất đai;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ về đất đai;

c) Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

4. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, chương trình quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

5. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Tổ chức việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, các vùng theo quy định;

b) Hướng dẫn việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh;

c) Tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, các vùng, cấp tỉnh; việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh; việc sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực sau khi được phê duyệt.

6. Về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

a) Hướng dẫn việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác;

c) Thẩm định hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị điều chỉnh các quyết định của Thủ tướng Chính phủ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến bằng văn bản đối với hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất; về trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Về đo đạc bản đồ, đăng ký đất đai và lập hồ sơ địa chính:

a) Hướng dẫn, kiểm tra công tác đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính; việc lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính; việc lập, chỉnh lý, cập nhật các bản đồ chuyên ngành trong lĩnh vực đất đai;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc đăng ký, đăng ký biến động đất đai và tài sản khác gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về đăng ký đất đai;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, hoạt động hệ thống đăng ký đất đai trên phạm vi cả nước;

d) Tổ chức phát hành và kiểm tra việc quản lý, sử dụng phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

đ) Tổng hợp số liệu về đăng ký đất đai, đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8. Về giá đất:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng để trình Chính phủ ban hành hoặc điều chỉnh khung giá đất;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, điều chỉnh, thực hiện bảng giá đất tại địa phương;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng khung giá các loại đất, điều chỉnh khung giá các loại đất; nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất; thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá đất và giá đất cụ thể; lập bản đồ giá đất;

d) Hướng dẫn, kiểm tra và thẩm định giá đất giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, sửa đổi trình cơ quan có thẩm quyền để ban hành nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất; hướng dẫn việc xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và định giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật về đất đai; lập bản đồ giá đất;

e) Kiểm tra việc định giá đất của các tổ chức định giá đất độc lập;

g) Tổ chức điều tra, thu thập và quản lý dữ liệu giá đất thị trường theo quy định của pháp luật;

h) Cấp chứng chỉ hành nghề về định giá đất theo quy định của pháp luật.

9. Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; hướng dẫn, kiểm tra việc xác định người sử dụng đất thuộc đối tượng được bồi thường, được hỗ trợ hoặc không được bồi thường, không được hỗ trợ;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thẩm tra khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với dự án đầu tư do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư mà phải di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng, các dự án thu hồi đất liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giải quyết những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất sau khi đã giải phóng mặt bằng; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong khu tái định cư.

10. Về phát triển quỹ đất và đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thu hồi đất, tạo lập phát triển quỹ đất, quản lý và khai thác quỹ đất đã thu hồi; trong đấu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu dự án có sử dụng đất;

b) Hướng dẫn việc bố trí quỹ đất cho phát triển thị trường bất động sản trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

11. Về điều tra, đánh giá tài nguyên đất:

a) Tổ chức điều tra, đánh giá chất lượng, tiềm năng đất đai; thoái hóa đất, ô nhiễm đất; phân hạng đất nông nghiệp của cả nước, các vùng theo định kỳ;

b) Tổ chức điều tra, đánh giá chuyên đề về quản lý, sử dụng đất theo yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai;

c) Hướng dẫn việc thực hiện điều tra, đánh giá đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Tổng hợp, công bố kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên đất của cả nước và các vùng.

12. Về xây dựng hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai và giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu về đất đai; xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành, bảo trì, phát triển hệ thống thông tin đất đai theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin đất đai thống nhất trên phạm vi cả nước; triển khai, vận hành và duy trì hệ thống thông tin đất đai quốc gia; cung cấp thông tin, dữ liệu về đất đai cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng hệ thống thông tin đất đai và giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai; việc lưu trữ dữ liệu đất đai và việc cung cấp thông tin về đất đai của các địa phương.

13. Về kiểm soát việc quản lý, sử dụng đất đai:

a) Theo dõi, kiểm tra trên thực địa việc quản lý, sử dụng đất của các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các cụm công nghiệp, các sân golf, các nông, lâm trường và các dự án, công trình khác có sử dụng đất thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ;

b) Tổ chức xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống theo dõi, giám sát tài nguyên đất theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thống kê, kiểm kê đất đai theo định kỳ hoặc chuyên đề trên phạm vi cả nước; kiểm tra, thẩm định kết quả thống kê, kiểm kê đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Tổ chức đánh giá việc thi hành pháp luật về đất đai; hiệu quả quản lý sử dụng đất đai trong phạm vi cả nước;

đ) Xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá quản lý và sử dụng đất đai; quản lý, tổ chức vận hành hệ thống theo dõi và đánh giá sử dụng đất đai tại trung ương; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý và vận hành hệ thống theo dõi và đánh giá quản lý và sử dụng đất tại địa phương;

e) Tổ chức đánh giá sự tác động của chính sách pháp luật đất đai đến kinh tế - xã hội, môi trường trên phạm vi cả nước và các địa phương.

14. Thanh tra chuyên ngành về đất đai trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật; xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

15. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, phổ biến các tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực đất đai.

16. Về hợp tác quốc tế:

a) Đề xuất tham gia đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế; tham gia các tổ chức quốc tế, diễn đàn quốc tế về lĩnh vực đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Làm đầu mối thực hiện các điều ước quốc tế về lĩnh vực đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về lĩnh vực đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

17. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về đất đai; tổ chức kiểm định các sản phẩm, đề án, dự án về quản lý và sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình cải cách hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

19. Quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật và tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý của Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

20. Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo phân cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo quy định của pháp luật.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giao.

**Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Vụ Chính sách và Pháp chế.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính.

4. Vụ Tổ chức cán bộ.

5. Văn phòng Tổng cục.

6. Cục Đăng ký đất đai.

7. Cục Quy hoạch đất đai.

8. Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất.

9. Cục Kiểm soát quản lý và sử dụng đất đai.

10. Viện Nghiên cứu quản lý đất đai.

11. Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai.

12. Trung tâm Điều tra và Quy hoạch đất đai.

13. Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính.

Tại Điều này, các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 9 là các tổ chức hành chính giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ khoản 10 đến khoản 13 là các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục.

Văn phòng Tổng cục có 04 phòng; Cục Đăng ký đất đai có văn phòng và 03 phòng; Cục Quy hoạch đất đai có văn phòng và 03 phòng; Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất có văn phòng và 03 phòng; Cục Kiểm soát quản lý và sử dụng đất đai có văn phòng và 03 phòng.

**Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục**

1. Tổng cục Quản lý đất đai có Tổng cục trưởng và không quá 04 Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Quản lý đất đai. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc Tổng cục; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 3 năm 2018.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2014/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**